TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương
2. Ông Nguyễn Văn Bắc

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn S, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt;

Bị đơn: Anh Khổng Minh L1, sinh năm 1978; Nơi ĐKHKTT: Phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang chấp hành án tại: Đội 3, phân trại số 02, Trại giam Tân Lập, Bộ Công An; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Khổng Minh L1 ngày 23/12/2006, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cao Phong. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh Lâm tại thôn Dùng, xã Cao Phong. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L1 không chung thủy, không thường xuyên quan tâm đến vợ con. Năm 2016 anh L1 vi phạm pháp luật về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án tại đội 3, phân trại số 2, Trại giam Tân Lập, Bộ Công An. Sau khi anh L1 phải đi chấp hành án chị và

các con vẫn ở chung cùng bố mẹ chồng. Tuy nhiên giữa chị và bố mẹ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bố mẹ chồng không thông cảm và ruồng rẫy mẹ con chị dẫn đến chị cảm thấy cuộc sống bế tắc, không có tương lai. Chị và các con đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2018. Hơn nữa chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Lâm nên chị đề nghị xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Khổng Thùy L3, sinh ngày 16/10/2007 và Khổng Diệu Q, sinh ngày 01/6/2009; hiện nay cả hai con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và chị không đề nghị anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập bình quân của chị là 5.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L không đề nghị Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bị đơn anh Khổng Minh L1 tại Trại giam Tân Lập thể hiện: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời điểm mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Anh Lâm xác định sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại thôn D, xã C, huyện Sông Lô và đây là nơi sinh sống thường xuyên của vợ chồng cho đến khi anh vi phạm pháp luật năm 2016. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập với mức án phạt là 08 năm về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị L đề nghị giải quyết ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Ly hôn, anh đồng ý để chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lâm có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai cháu L2 và cháu Q thể hiện nguyện vọng cả hai cháu đều mong muốn được ở cùng chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật .

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đề nghị giải quyết ly hôn với anh Khổng Minh L1.

Về nuôi con chung: Chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con là Khổng Thùy L2 và Khổng Diệu Q; anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở

Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Khổng Minh L1 kết hôn ngày 23 tháng 12 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cao Phong, huyện Lập Thạch (nay là huyện Sông Lô) là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống anh L1 và chị L thừa nhận không được hạnh phúc do trong thời gian vợ chồng chung sống anh L1 không chung thủy và không thường xuyên quan tâm đến vợ con. Hiện nay anh L1 đang chấp hành án tại đội 3 phân trại số 2 Trại giam Tân Lập. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Khổng Minh L1.

[2] Về nuôi con chung: Chị L và anh L1 có hai con chung là Khổng Thùy L2, sinh ngày 16/10/2007 và Khổng Diệu Q, sinh ngày 01/6/2009, Chị L và anh L1 đều có quan điểm để chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con. Xét quan điểm của các đương sự về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con. Hiện nay anh L1 đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Tân Lập với thời gian chấp hành án còn dài không đủ điều kiện nuôi con. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị về việc thống nhất về người trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị Lan không đề nghị nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L và anh L1 không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Khổng Minh L1.

2. Về nuôi con chung: Chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con là Khổng Thùy L2, sinh ngày 16/10/2007 và Khổng Diệu Q, sinh ngày

01/6/2009. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị L. Chị L không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0001504 ngày 24/4/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng